

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-09-2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Khuê.

2. Ông Lê Văn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn S, xã L (trước đây là xã Hà Bắc, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Ng, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn S, xã L (trước đây là xã Hà Bắc, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Ng tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 23/12/2020 tại UBND xã Hà Bắc, huyện Hà Trung (nay là UBND xã Hà Long), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, đến tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị và anh Ng có 01 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 14/10/2021. Bản thân chị có nơi cư trú rõ ràng, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định (đang làm công nhân tại Công ty THN Autoparts Việt Nam), bảo đảm việc nuôi con. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn Ng trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đời sống vợ chồng, anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị N. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để tiếp tục nuôi con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 14/10/2021. Như chị N đã trình bày là đúng. Bản thân anh có nơi cư trú rõ ràng, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định (đang làm công nhân tại Công ty TNHH giày Venus Việt Nam). Do anh không thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị N nên anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn S, xã Hà L, tỉnh Thanh Hoá:

Về hôn nhân: Chị N và anh Ng tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 10/2024 đến nay, tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được.

Về điều kiện nuôi con: Chị N và anh Ng có 01 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 14/10/2021. Hiện nay, cháu T đang ở với chị N; điều kiện sinh sống và học tập của cháu ổn định, bình thường. Chị N, anh Ng đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và đều có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Ng.

- Về con chung: Giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại xã Hà Long (trước đây là xã Hà Bắc, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hoá. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá) căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Anh Ng là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2020 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị N nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế, vợ chồng anh chị đang sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của anh Ng và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị N, anh Ng về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp hoà giải, chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải thêm.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị N, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của đương sự; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị N, anh Ng; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh Ng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng để ổn định cuộc sống. Yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị N được ly hôn anh Ng.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Ng có 01 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 14/10/2021. Xét nguyện vọng của chị N về việc được trực tiếp nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của người mẹ dành cho con cái. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của đương sự, việc giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của Điều 81 của Luật Hôn nhân & gia đình; việc chị N không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Ng.

2. Về con chung: Công nhận cháu Phạm Anh T, sinh ngày 14/10/2021 là con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn Ng. Giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Thanh Hoá), theo biên lai thu số 0004864 ngày 20/02/2025. Công nhận chị N đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- THADS T. Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh